

Phủ Thọ, ngày 02 tháng 10 năm 2025

Số 69 /KH-MNHN

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2025-2026

Căn cứ Kế hoạch số 640/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Kế hoạch khung thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào phân phối Chương trình Giáo dục Mầm non năm học 2025 – 2026 của trường mầm non Hòa Mi

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, Bộ phận chuyên môn trường Mầm non Hòa Mi xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục năm học 2025- 2026 như sau:

A/ THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG:

- Trường mầm non Hòa Mi nằm trên địa bàn Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trường có 11 nhóm, lớp (01 nhóm I, 03 lớp mầm, 03 lớp chồi, 04 lớp lá).

- Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên: 35/33 nữ. Trong đó:

- BGH: 3/3 đều đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn (Đại học) tỉ lệ 100% Gồm:

○ Hiệu trưởng: 01 Phụ trách chung

○ Phó hiệu trưởng: 02 (01phụ trách bán trú, 01phụ trách chuyên môn)

- Giáo viên: 19 giáo viên/11 nhóm, lớp

- Trình độ giáo viên:

+ Đại học: 15

+ Cao đẳng: 4

* Qui mô:

- Tổng số nhóm lớp: 11 (1 nhóm trẻ, 3 lớp Mầm, 3 lớp Chồi, 4 lớp Lá)

- Tổng số học sinh: 338/141 nữ trong đó

+ Nhà trẻ: 19/6 nữ

+ Mầm: 78/51 nữ

+ Chồi: 95/52 nữ

+ Lá: 146/72 nữ

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo ngành, địa phương các cấp, được sự hỗ trợ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giáo trẻ, sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc ủng hộ cơ sở vật chất, các trang thiết bị lớp học

- Trường tập trung ở 1 điểm, là nơi trung tâm của địa phương, gần Ủy ban nhân dân phường, là điều kiện thuận lợi cho trường liên hệ công tác.

- Cơ sở vật chất đáp ứng quy mô trường lớp, sân chơi rộng, có nhiều cây xanh, hoa kiểng, khu vui chơi, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.

- Tập thể CBGVNV có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

2. Khó khăn:

- Cây xung quanh trường nhỏ, không có mái che, bóng mát còn ít
- Hiện còn thiếu 3 giáo viên (1 Nhà trẻ, 1 Chồi, 1 Lá)

B/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I/ MỤC TIÊU CHUNG :

Chương trình GDMN đối với:

- Trẻ nhà trẻ 4 lĩnh vực
- Trẻ mẫu giáo theo 5 lĩnh vực

1. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Nhà trẻ: (4 lĩnh vực)

1.1. Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu hỏi đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

d/ Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2. Mục tiêu chương trình giáo dục trẻ Mẫu giáo: (5 lĩnh vực)

2.1. Khôi Mầm:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế: Đi, chạy, bò, tung, ném...

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay:

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.

d/ Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội:

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, công cộng gần gũi.

e/ Phát triển thẩm mỹ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;

*** có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.**

2. 2. Khối Chồi:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán, làm quen với chữ viết

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.

d/ Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

e/ Phát triển thẩm mỹ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;

2. 3. Khối Lúa:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động ; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu đọc và viết.

d/ Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, công cộng gần gũi.

e/ Phát triển thẩm mỹ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật;

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

1. NHÀ TRẺ:

1.1. Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp, tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.

	2	- Phối hợp, tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản
	3	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng. - Đứng co một chân.
	4	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 – 1,2 m.	* Tập nhún, bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ * Tập tung, ném, bắt: - Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1 m. - Ném bóng vào đích xa 1 – 1,2 m - Ném bóng về phía trước.
	5	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng; ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném xa lên phía trước bằng một tay tối thiểu 1,5m. - Ném bóng qua dây.
	6	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
	7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
	8	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
	9		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
	10		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.

	11	- Ngủ một giấc buổi trưa - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Bỏ rác đúng nơi quy định.
	12	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.
	13		
	14	- Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Không chạy chơi trên lòng đường - Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước... - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	15	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Ném vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua)
	16	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của	

		những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Số lượng một - nhiều - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp
	17	- Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	
	18	- Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	19	- Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	20	- Biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
	21	- Biết lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	22	- Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
	23	- Trả lời các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ... làm gì? Thế nào?...	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào? - Trả lời và đặt các câu hỏi : Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Tại sao?.
	24	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
	25	- Phát âm rõ tiếng.	
	26		- Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

	27	- Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng.
	28	- Nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
	29	- Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Biết hỏi về các vấn đề quan tâm như “Con gì đây? Cái gì đây?”... - Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Chào hỏi, trò chuyện - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu?... Thế nào? để làm gì? Tại sao?... - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	30	- Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	31	- Biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
	32	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
	33	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	34	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	35	- Biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi. bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	36	- Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.

	37	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bê em, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...)	- Chơi trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại.
	38	- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Trò chuyện với em khi cho em ăn, chơi với em.
	39	- Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
	40	- Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
	41	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn , xé, vò, xếp hình. - Xem tranh

2. MẪU GIÁO:

2.1. Khối Mầm:

Lĩnh vực	Số thứ tự	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: hít vào thở ra Tay + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, vò 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) -Lưng, bụng, lườn + Cúi về phía trước ngửa người ra sau + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân + Bước lên phía trước, bước sang ngang: ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ + Co duỗi chân

Giáo dục phát triển thể chất	2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi, kiễng gót - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt. - Đi trong đường hẹp
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).
	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay.
	5	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	- Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm.
	6	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
	7	-Phối hợp tay, mắt trong vận động.	-Tung và đập bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2.5m) - Tự đập- bắt bóng được 3lần liên (đường kính bóng 18cm) - Lăn đập tung bắt bóng với cô. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
	8	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập; + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m.	- Chạy theo đường thẳng - Chạy đích đặt qua 3CNV - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Chạy chậm 40m - Chạy nhanh 40m
	9	-Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Bò trườn theo hướng đích đặt - Bò chui qua cổng
	10	-Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón	+Xoay tròn cổ tay. +Gập đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay

Giáo dục phát triển thể chất		tay, phối hợp tay-mắt. và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.	
	11	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: +Xếp chồng 8-10 khối không đổ. +Vẽ hình tròn theo mẫu. +Cắt được 1 đoạn dài 10cm. +Tự cài, cởi cúc.	-Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy -Sử dụng kéo, bút. -Cài, cởi cúc. - Tô vẽ nguệch ngoạc
	12	-Cháu nhận biết 1 số thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Cháu biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc(khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa rau...) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, SDD, BP.....)
	13	-Tự phục vụ trong sinh hoạt hằng ngày tại trường	Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
	14	-Cháu có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước lọc, đun sôi để nguội... - Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Cháu rèn luyện thói quen tốt về VSCN, đi vệ sinh đúng nơi qui định biết giữ gìn vệ sinh môi trường. - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. -Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
	15	-Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô, giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và giữ gìn sức khỏe. Biết gọi cô khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô, không có những hành vi gây nguy hiểm hco bản thân và cho bạn.

Giáo dục phát triển thể chất		Biết tránh nơi nguy hiểm	Biết tránh nơi nguy hiểm:hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ... khi được nhắc nhở.
		Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	-Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... -Không tự lấy thuốc uống. -Không leo trèo bàn ghế, lan can. -Không nghịch các vật sắc nhọn. Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
	16	-Biết 1 số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	-Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. -Biết nghề nghiệp của ba mẹ.
	17	-Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	-Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	18	-Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và chế biến 1 số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm: chất bột đường, chất béo, chất đạm, chất muối khoáng và vitamin.
	19	-Giúp ba mẹ làm 1 số công việc vừa sức.	-Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu; làm những việc khi trong nhà có người bị ốm; ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn cho người bệnh lau mát
	20	-Nhận ra và không chơi 1 số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn, sắc như: dao, nĩa, đinh, que ... những nơi nguy hiểm như: hố, bếp, sàn nước phải có người lớn đi cùng.
	21	-Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây.	-Cháu biết rửa sạch bỏ hạt khi ăn 1 số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt ... không dùng dao xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	22	-Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc ...	-Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
	23	-Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết,	-Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân

Giáo dục phát triển thể chất		cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	trong dịp tết, ăn uống có chừng mực, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	24	-Biết tên 1 số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Trứng thịt, cá, tôm, cua, rau.....
	25	-Cháu biết mỗi nguy hiểm khi học hoặc chơi gần chó, mèo la, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. -Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như: không chọc phá các con vật nuôi mà phải giữ an toàn cho bản thân.
	26	-Cháu biết các loại nguồn nước và biết sử dụng đúng nguồn nước.	-Cháu biết có các loại nước: nước uống, nước xài và nước sinh hoạt hàng ngày. -Cháu biết lợi ích của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.
	27	-Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông.	-Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay và không thò đầu ra ngoài khi ngồi xe ô tô.
Giáo dục phát triển nhận thức	28	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô như: đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật hiện tượng; “ vì sao cây lại héo?”, “ vì sao lá cây bị ướm?”	-Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng ĐDDC. -Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây hoa quả gần gũi; ích lợi và tác hại đối với con người. -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. -Cách chăm sóc bảo vệ cây, con vật. -Các nguồn nước trong môi trường sống. -Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	29	-Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm .. để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	-Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. -Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi ...

Giáo dục phát triển nhận thức	30	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
	31	-Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	-Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	32	-Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu.	-Đặc điểm, công dụng của 1 số PTGT và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. -Phân loại ĐDDC theo 3 dấu hiệu. -Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
	33	-Nhận xét được 1 số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. Ví dụ: Thêm đường/muối -> nên nước ngọt/ mặn hơn.	-Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của ĐDDC quen thuộc
	34	-Nhận xét , trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	-So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. -So sánh sự giống và khác của 2-3 ĐDDC.
	35	-Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: “ bao nhiêu?”, “là số mấy?”	-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5.
	36	-So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều - Xếp xen kẽ
	37	-Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	-Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
	38	-Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm nhỏ hơn.	-Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn.

Giáo dục phát triển nhận thức	39	-Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
	40	-Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	-Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi.
	41	-Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	-Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. -Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo
	42	-Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	-So sánh sự khác-giống nhau của các hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình hình nhật.
	43	-Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	-Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	44	-Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	-Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau; phía phải-phía trái)
	45	-Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	-Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
	46	-Biết họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	-Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
	47	-Biết họ, tên và công việc của ba mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	-Họ tên, công việc của ba mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	48	-Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	-Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm)
	49	-Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên, địa chỉ của trường, lớp
	50	-Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện.	-Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	51	-Biết tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	-Họ, tên và 1 vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	52	-Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

	53	-Kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	54	-Kể tên và nêu 1 vài đặc điểm của ảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	-Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh.
	55	-Biết sử dụng các từ chỉ người tên gọi đồ vật sự vật, hành động hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	-Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	56	-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	57	-Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	58	-Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	-Trả Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “ Cái gì?”, “ Ở đâu?”, “ Khi nào?”, “Để làm gì?”
	59	-Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	60	-Kể lại được sự việc đơn giản.	-Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản. diễn ra của bản thân như : thăm ông bà, đi chơi, xem phim
	61	-Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao ..	-Đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, tục ngữ.
	62	-Kể chuyện đơn giản đã được nghe và có sự giúp đỡ của người lớn.	-Kể lại chuyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.
	63	-Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	-Đóng vai theo lời dẫn chuyện của GV
	64	-Sử dụng các từ như “ vâng ạ”, “ dạ”, “ thưa” trong giao tiếp.	-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
	65	-Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	-Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ	66	-Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	67	-Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	-Đọc truyện qua các trang vẽ.
	68	-Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. “ Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vệt)	-Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	69	-Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày: - Nói rõ các tiếng.	-Phát âm các tiếng của tiếng Việt
	70	-Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm	-Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
	71	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh....	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh)
	72	-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	73	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ.
	74	-Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	-Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lăng Bác.
	75	-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	76	-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)

	77	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	78	-Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	-Lắng nghe cô và bạn nói.
	79	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	80	Bộc lộ cảm xúc trước âm thanh và tác phẩm nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	81	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
	82	Vận động theo nhạc	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
	83	-Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	-Tiết kiệm điện, nước.
	84	-Bỏ rác đúng nơi qui định.	-Bỏ rác vào thùng rác. -Giữ vệ sinh môi trường
	85	-Không bẻ cành, ngắt hoa.	-Bảo vệ chăm sóc cây cảnh và con vật.
	86	-Nhận xét các sản phẩm tạo hình	-Trẻ biết quan sát các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	87	-Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	-Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	88	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	-Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản. -Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.. -Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo các sản phẩm có hình 1 khối, nhiều khối.
	89	-Hát tự nhiên hát theo bài hát quen thuộc. - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	-Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, các bản nhạc gần gũi (dân ca, nhạc thiếu nhi)
	90	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo từng chủ đề
	91	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	92	Nhận xét sản phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình.

	93	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	Cháu tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích từng của mình
	94	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	- Cháu biết đặt tên cho sản phẩm của mình.
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	95	-Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên ba mẹ.	-Tên, tuổi, giới tính của bản thân, ba mẹ.
	96	-Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	-Sở thích, khả năng của bản thân.
	97	-Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	-Hoàn thành công việc được giao.
	98	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh....	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh) - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	99	-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	100	- Thể hiện sự tự tin, tự lực	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chỉ giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	101	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ.
	102	-Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	-Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lăng Bác.
	103	-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	104	-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - sau khi chơi xếp đồ chơi không tranh giành đồ chơi , vâng lời bố mẹ
	105	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	106	-Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	-Lắng nghe cô và bạn nói.

	107	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
	108	-Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	-Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	109	-Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	-Tiết kiệm điện, nước.
	110	-Bỏ rác đúng nơi qui định.	-Bỏ rác vào thùng rác. -Giữ vệ sinh môi trường
	111	-Không bẻ cành, ngắt hoa.	-Bảo vệ chăm sóc cây cảnh và con vật.

2.2. Khối Chồi:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
	2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động, giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự	- Bò, trườn, trèo:

Giáo dục phát triển thể chất		nhANH MẠNH CỦA ĐÔI MẮT TRONG VẬN ĐỘNG, ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG THEO TÍN HIỆU.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay.
	5	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
	6	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	7	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhANH NHẸY CỦA ĐÔI MẮT.	- Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	8	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	-Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương.
	9	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	Chạy ném trúng đích, đích nằm ngang
	10	- Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động	Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	11	- Cháu phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn sấp
	12	- Luyện tập cho trẻ tính nhANH NHẸY, KHÉO LÉO, BIẾT CHƠI CÁC TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG. - Phát triển sự phối hợp của mắt và tay.	- Đi chạy theo trò chơi” Làm đoàn tàu”
	13	- Phát triển một số vận động cơ bản, bò chạy, chui qua cổng	- Bài tập tổng hợp: Bò chui qua cổng

Giáo dục phát triển thể chất	14	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	- Đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
	15	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắp, nới... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
	16	- Cháu nhận biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
			Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn
		Nhận biết 1 số thói quen trong ăn uống, lợi ích và cách bảo vệ sức khỏe	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
		- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường	Cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh
		- Các cháu có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
	17	Có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
	18	- Cháu nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.

Giáo dục phát triển thể chất	19	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường. - Biết nghề nghiệp bố mẹ.
	20	- Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	21	- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo theo thời tiết sẽ đảm bảo sức khỏe và thoải mái khi vận động
	22	- Cháu biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
	23	- Giúp bố mẹ làm một số việc vừa sức	Phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát.v.v...
	24	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	-Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
	25	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	26	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
	27	- Cháu biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	28	-Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn	-Tên các món ăn quen thuộc hằng ngày

	29	-Cháu biết mỗi nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	30	- Cháu biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	31	Tránh xa những nơi nguy hiểm và gọi số điện thoại khẩn cấp khi gặp nguy hiểm	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	32	- Cháu biết an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v.v..
Giáo dục phát triển nhận thức	33	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô như: đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật hiện tượng; “ vì sao cây lại héo?”, “ vì sao lá cây bị ướm?”	-Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng ĐDDC. -Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây hoa quả gần gũi; ích lợi và tác hại đối với con người. -Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của chúng. -Cách chăm sóc bảo vệ cây, con vật. -Các nguồn nước trong môi trường sống. -Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	34	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	35	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường / muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của nước.

Giáo dục phát triển nhận thức	36	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người
	37	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	38	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
	39	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
	40	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
	41	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
	42	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
	43	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách các nhóm đối tượng thành nhóm nhỏ hơn
	44	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
	45	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	46	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo

Giáo dục phát triển nhận thức	47	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	48	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	49	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
	50	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
	51	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
	52	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	53	- Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	54	- Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	55	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	56	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
	57	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	58	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

59	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
60	-Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công	-Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.

		nhân viên trong trường khi trò chuyện.	
	61	-Biết tên và 1 vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	-Họ, tên và 1 vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	62	-Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	63	-Kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	64	-Kể tên và nêu 1 vài đặc điểm của ảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	-Đặc điểm nổi bật của 1 số di tích, danh lam, thắng cảnh.
	65	-Kể tên và nêu 1 vài đặc điểm của đặc sản địa phương.	-Đặc điểm nổi bật 1 số món ăn đặc sản của địa phương
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	66	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	67	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu
	68	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	69	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	70	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	71	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	72	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	73	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	74	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè

Giáo dục phát triển ngôn ngữ	75	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
	76	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Đóng kịch.
	77	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	78	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	79	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	80	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	81	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Biết nhận dạng các chữ cái tiếng Việt - Biết tô, đồ các nét chữ
	82	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	83	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
	84	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	85	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Trẻ biết vỗ tay vỗ tay, làm động tác mô phỏng Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	86	Chú ý nghe, thích thú theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện theo chủ đề

Giáo dục phát triển thẩm mỹ	87	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.	Trẻ biết thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
	88	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ
	89	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Nhận ra các bài hát có giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi
	90	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.
	91	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
	92	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
	93	Làm lồm, đồ bẹt, bẻ lẹo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ lẹo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
	94	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	95	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
	96	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
	97	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
	98	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
	99	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
	100	Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	101	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc	- Vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát.

		với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	
	102	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	103	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	Biết nhận xét sản phẩm và nói lên ý tưởng tạo hình của mình
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	104	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố - mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ.
	105	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
	106	Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Hoàn thành công việc được giao
	107	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	108	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	109	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	110	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lăng Bác
	111	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	112	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai" "tốt"-"xấu"
	113	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	114	Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	115	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.

	116	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	117	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Tiết kiệm điện, nước.
	118	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác vào thùng rác - Giữ gìn vệ sinh môi trường
	119	Không bẻ cành, ngắt hoa	- Bảo vệ, chăm sóc, con vật và cây cối
	120	-Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	-Biết tiết kiệm nước, tiết kiệm điện khi không sử dụng

2. 3. Khối Lá:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Giáo dục phát triển thể chất	1	- Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
Giáo dục phát triển thể chất	2	- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động, giữ được thăng	- Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối.

Giáo dục phát triển thể chất		bằng cơ thể khi thực hiện vận động	+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100 - 120m.
	3	- Phát triển sự linh hoạt giữa đôi bàn tay, bàn chân và sự nhanh mạnh của đôi mắt trong vận động, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m. + Bò đích đích qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang.
	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	5	- Biết phối hợp vận động các giác quan.	- Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.
	6	Thể hiện nhanh nhẹn, khéo léo	+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 35 - 40cm). + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Bắt và Ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
	7	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay. - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.
	8	- Bò, trườn, trèo - Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang

Giáo dục phát triển thể chất	9	Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò Zích zắc qua 7 điểm. cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m
	10	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Biết Tự mặc và cởi quần áo.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay. - Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá (phích cắm tua), khâu, luồn, buộc dây.
	11	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	12	- Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp	- Đi và đập bắt bóng - Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5-lần liên tiếp - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
	13	- Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đặt trên đầu Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây, đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi nổi bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, Đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục.
	14	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5-7), 10 giây	- Chạy tự do, Chạy thay đổi tốc độ. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy 18m trong khoảng 5 – 7 giây - Chạy tốc độ vừa sức.
	15	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	- Chạy theo đường zích zắc. - Chạy chậm khoảng 100 -120m - Chạy liên tục khoảng 150m không hạn chế thời gian.
	16	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
	17	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước.

Giáo dục phát triển thể chất			- Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	18	- Biết Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
	19	- Biết Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản - Biết bốn nhóm thực phẩm .Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh. - Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.
	20	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh , ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
	21	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	22	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người.

			- Biết được hành động đúng , hành động sai.
	23	-Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết và không chơi những nơi mất vệ sinh như : Khu chăn nuôi, bãi rác, ...
	24	– Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	-Giáo Dục Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà . Không theo người lạ mất ra khỏi trường. -Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
		- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	-Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật,... -Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
		- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá.
	25	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	Bé nhận biết chức năng của 5 giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
Giáo dục phát triển nhận thức	26	- Biết nói một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình

Giáo dục phát triển nhận thức			- Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
	27	Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	-Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. -Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. -Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	28	Biết gọi tên nhóm cây cối, con vật, đồ vật theo đặc điểm chung	a/Cây cối, con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. b/ Đồ dùng đồ chơi - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu.
	29	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	a/ Con vật, cây. -Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây cối. b/ Hiện tượng tự nhiên: - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi

Giáo dục phát triển nhận thức			- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
	30	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Biết tên gọi các mùa trong năm : Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. + Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè + Mùa Thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... + Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
	31	Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... . Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... -Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
	32	– Biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng *Phương tiện giao thông (đặc điểm...)	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. Phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 dấu hiệu.

33	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa điểm công cộng tại địa phương, trường tiểu học, ... - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
34	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề trong xã hội. - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
35	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...). - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
36	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
37	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	a/ Đo độ dài - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo. b/ Đo dung tích. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
38	– Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
39	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

40	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
41	– Biết phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	- Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
42	- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
43	- Thích đặt câu hỏi;	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
44	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Làm một số thí nghiệm - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật hiện tượng nào đó. - Quan sát các sự vật , hiện tượng xung quanh
45	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc.
46	- Biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;	- Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
47	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra quy tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
48	– Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát,bản nhạc quen thuộc(một câu hoặc 1 đoạn)

			- Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	49	– Biết Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	-Lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
	50	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các khác
Giáo dục phát triển ngôn ngữ	51	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể . - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	52	-Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
	53	- Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	54	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	55	- Nói rõ ràng;	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao?, có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Để làm gì?,.... - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	56	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu	- Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ		cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
	57	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	58	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
	59	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
	60	- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;	- Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gích, tốc độ vừa phải để người khác hiểu.
	61	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;	- Nghe một số câu chuyện trong chủ đề. - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động.
	62	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
	63	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
	64	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
Giáo dục phát	65	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt.

triển ngôn ngữ			- Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
	66	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
	67	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
	68	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
	69	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	70	Sao chép 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình	Nhận biết và sao chép được 1 số ký hiệu, chữ cái, tên của mình
	71	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
	72	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem, nghe đọc và tự “ đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
	73	-Biết cách “đọc” sách	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

	74	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
	75	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	76	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết;	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
	77	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
	78	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
	79	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ.
	80	- Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;	- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
	81	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô
	82	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Tô, đồ các nét chữ cái đã học. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.

Giáo dục phát triển thẩm mỹ	83	- Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rồng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích.
	84	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. - Cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	85	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích, -Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	86	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.
	87	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng. -Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	88	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Trẻ thể hiện cảm xúc khi nghe giai điệu của bài hát, bản nhạc và thích ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên và tỏ ra hứng thú trước tác phẩm nghệ thuật
	89	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	- Bé nhận biết được các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, ...).
	90	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	-Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình
	91	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;	-Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm.

			-Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái , tình cảm của bài hát.
	92	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	- Cháu biết sử dụng các dụng cụ gõ như phách tre, gáo dừa, song loan,...đệm theo phách, nhịp, tiết tấu của bài hát
	93	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	-Hát và Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
	94	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích như hình thức bộ gõ cơ thể, sử dụng giấy, lon sữa, nôi, chảo,... - Tự đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	95	-Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc và nhận xét sản phẩm về màu sắc, hình dáng, nét, bố cục. -Vẽ những ký hiệu theo ý thích -Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	96	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	-Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. -Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	97	Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	-Vẽ , xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. -Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	98	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	-Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...
Giáo dục phát triển tình cảm	99	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	-Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. -Một số thói quen hành vi văn minh

và kĩ năng xã hội Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	100	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	-Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. -Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	101	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	-Sở thích, khả năng của bản thân. -Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	102	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân -Đề xuất trò chơi và hoạt động -Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	103	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	-Tự tin khi thực hiện công việc được giao. -Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học. -Hoàn thành công việc được giao
	104	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.
	105	Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	-Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. -Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
	106	Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
	107	Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;	- Thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) -Tình cảm yêu thương và Kính yêu Bác Hồ. -Thể hiện tình cảm với các con vật. -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. -Cảnh đẹp của quê em.
	108	Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ,...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc,....
	109	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	-Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè.

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			-Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
	110	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	-Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. -Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhật lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
	111	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	-Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. -Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
	112	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	-Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. -Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. -Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.
	113	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	-Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. -Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi
	114	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp
	115	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
	116	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	117	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
	118	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui quy định của lớp học. -Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
	119	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.
	120	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;	- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
	121	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. -Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
	122	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	-Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. -Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
	123	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	-Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. -Thực hiện công việc được giao (Trục nhật, xếp dọn đồ chơi)
	124	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	-Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng. -Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người. -Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
	125	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.

Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	126	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
	127	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường; - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	-Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp. -Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... -Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.
	128	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) -Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân - Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình. - Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường.
	129	- Quan tâm , chia sẻ, giúp đỡ bạn	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. -Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.

III/ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC

1. Nhóm trẻ (từ 24-36 tháng)

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
HỌC KỲ 1 (TỪ 5/9/2025-> 16/1/2026)					
1 Tuần ổn định đầu năm				08/09 - 12/09/2025	

1	15/09 - 10/10/202 5	TRƯỜNG MẦM NON CỦA BÉ (4 tuần)	Tuần 1. Các bạn của bé ở lớp	15/09 - 19/09/2025	
			Tuần 2. Đồ chơi của bé	22/09 - 26/09/2025	
			Tuần 3. Đồ dùng cá nhân	29/09 - 03/10/2025	
			Tuần 4. Trường MN Họa Mi của bé	06/10 - 10/10/2025	Trung thu 6/10
2	13/10 - 31/10/202 5	BẢN THÂN CỦA BÉ (3 tuần)	Tuần 5. Cơ thể của bé	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 6. Giác quan của bé	20/10 - 24/10/2025	Ngày PNVN 20/10
			Tuần 7. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	27/10 - 31/10/2025	
3	03/11 - 28/11/202 5	GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần)	Tuần 8. Những người thân yêu của bé	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 9. Công việc người thân trong gia đình	10/11 - 14/11/2025	
			Tuần 10. Đồ dùng nấu ăn	17/11 - 21/11/2025	Ngày NGVN 20/11
			Tuần 11. Đồ dùng trong ăn uống	24/11 - 28/11/2025	
4	01/12 - 26/12/202 5	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Tuần 12. Đố bé rau gì?	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 13. Đố bé củ gì?	08/12 - 12/12/2025	

			Tuần 14. Đồ bé quả gì?	15/12 - 19/12/2025	
			Tuần 15. Đồ bé hoa gì?	22/12 - 26/12/2025	Ngày QĐNDV N 22/12
5	29/12 – 16/01/2026	PHƯƠNG TIỆN VÀ LUẬT GIAO THÔNG (3 tuần)	Tuần 16. PTGT đường bộ, đường sắt	29/12 - 02/01/2026	Tết dương lịch 1/1/2026
			Tuần 17. PTGT đường thủy	05/01 - 09/01/2026	
			Tuần 18. PTGT đường hàng không	12/01 - 16/01/2026	
HỌC KỲ 2 (TỪ 19/1/2025-> 29/5/2026)					
6	19/01 - 13/2/2026	TẾT VÀ MÙA XUÂN (4 tuần)	Tuần 19. Các loại hoa, quả, bánh ngày Tết	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 20. Vườn hoa muôn màu	26/01 - 30/01/2026	
			Tuần 21. Mùa Xuân đến rồi	2/2 - 6/2/2026	
Nghỉ tết Nguyên Đán 2 tuần (Từ ngày 9/2/2026 đến ngày 22/2/2026)					
			Tuần 22. Ngày Tết quê em	23/2- 27/2/2026	
7	29/2 - 27/3/2026	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Tuần 23. Những con vật nuôi trong gia đình	2/3 – 6/3/2026	Quốc tế phụ nữ 8/3
			Tuần 24. Con vật sống dưới nước	9/3 - 13/3/2026	
			Tuần 25. Côn trùng	16/3 - 20/3/2026	

			Tuần 26. Con vật sống trong rừng	23/3 - 27/3/2026	
8	30/3 – 17/4/2026	NGÀNH NGHỀ (3 tuần)	Tuần 27. Một số ngành nghề quen thuộc	30/3 - 03/4/2026	
			Tuần 28. Nghề nghiệp của ba mẹ	6/4 - 10/4/2026	
			Tuần 29. Lớn lên bé làm nghề gì?	13/04 - 17/4/2026	
9	20/4 – 15/5/2026	MÙA HÈ ĐẾN (3 tuần)	Tuần 30. Bé yêu mùa hè	20/4 - 24/4/2026	<i>Nghĩ Giỗ tổ Hùng Vương 27/4, Giãi phóng Miền nam 30/4, Quốc tế lao động 1/5 (nghỉ 3 ngày).</i>
			Tuần 31. Thời tiết trang phục mùa hè	27/4 - 01/5/2026	
			Tuần 32. Ăn uống phù hợp theo mùa	4/5 - 08/5/2026	
10	11/5 – 29/5/2026	BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG (3 tuần)	Tuần 33. Quê hương của Bác	11/5 - 15/5/2026	
			Tuần 34. Mừng sinh nhật Bác	18/5 - 22/5/2026	Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5
			Tuần 35. Bé lên mẫu giáo	25/5 - 29/5/2026	

2. Mẫu giáo

*** Khởi Mẫu**

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
HỌC KỲ 1 (TỪ 5/9/2025-> 16/1/2026)					
1 Tuần ổn định đầu năm				8/9 - 12/9/2025	
1	15/9 - 10/10/202 5	TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần)	Tuần 1. Trường Mầm non của bé	15/9- 19/9/2025	
			Tuần 2. Bé vui đến lớp	22/09 - 26/9/2025	
			Tuần 3. Cô giáo và các bạn của bé	29/09 - 3/10/2025	
			Tuần 4. Bé vui Tết Trung Thu	6/10 - 10/10/202 5	Trung thu 6/10
2	13/10 - 7/11/2025	BẢN THÂN (4 tuần)	Tuần 5. Bé là ai?	13/10 - 17/10/202 5	
			Tuần 6. Ngày Hội của Bà, mẹ và cô giáo	20/10 - 24/10/202 5	Ngày PNVN 20/10
			Tuần 7. Cơ thể của bé	27/10 - 31/10/202 5	
			Tuần 8. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	03/11 - 07/11/202 5	
3	10/11 - 5/12/2025	GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ (4 tuần)			
			Tuần 9. Gia đình của bé	10/11 - 14/11/202 5	
			Tuần 10. Những người thân trong gia đình bé	17/11 - 21/11/202 5	Ngày NGVN 20/11

			Tuần 11. Ngôi nhà thân yêu của bé	24/11 - 28/11/2025	
			Tuần 12. Đồ dùng trong gia đình bé	01/12 - 05/12/2025	
4	8/12 - 2/01/2026	NGHÀNH NGHỀ (4 tuần)	Tuần 13. Một số ngành nghề quen thuộc với bé	08/12 - 12/12/2025	
			Tuần 14. Nghề nghiệp của bố mẹ	15/12 - 19/12/2025	
			Tuần 15. Chú bộ đội của bé	22/12 - 26/12/2025	Ngày TL.QĐN DVN 22/12
			Tuần 16. Ước mơ của bé	29/12 - 2/01/2026	Tết dương lịch 01/01/2026
5	5/01 – 23/01/2026	THẾ GIỚI THỰC VẬT (3 tuần)	Tuần 17. Thế giới cây xanh	5/01 - 9/01/2026	
			Tuần 18. Một số loại rau, củ thường dùng	12/01 - 16/01/2026	
HỌC KỲ 2 (TỪ 19/1/2025-> 29/5/2026)					
			Tuần 19. Một số loại quả	19/01 - 23/01/2026	
6	26/01 – 13/2/2026	MÙA XUÂN CỦA BÉ (3 tuần)	Tuần 20. Mùa xuân của bé	26/01 - 30/01/2026	
			Tuần 21. Bé vui đón Tết	2/2 - 06/2/2026	

Nghỉ tết Nguyên Đán 2 tuần (Từ ngày 9/2/2026 đến ngày 22/2/2026)					
			Tuần 22. Tết nhà bé	23/2 - 27/2/2026	
	29/2 – 27/3/2026	NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU (4 tuần)	Tuần 23. Con vật nuôi trong gia đình	2/3 – 6/3/2026	Quốc tế phụ nữ 8/3
			Tuần 24. Con vật sống trong rừng	9/3 - 13/3/2026	
			Tuần 25. Con vật sống dưới nước	16/3 - 20/3/2026	
			Tuần 26. Côn trùng	23/3 - 27/3/2026	
8	30/03 – 24/04/2026	AN TOÀN GIAO THÔNG (4 tuần)	Tuần 27. Bé biết một số phương tiện giao thông	30/3 - 3/4/2026	
			Tuần 28. Bé biết một số biển báo giao thông	6/4 - 10/4/2026	
			Tuần 29. Bé học luật an toàn giao thông	13/4 - 17/4/2026	
			Tuần 30. Bé với chuyên đề an toàn giao thông	20/4 - 24/4/2026	
9	27/04 – 15/05/2026	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (3 tuần)	Tuần 31. Nước	27/4 - 01/5/2026	<i>Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 27/4, Giải phóng Miền nam 30/4, Quốc tế lao động 1/5 (nghỉ 3 ngày).</i>
			Tuần 32. Hiện tượng thiên nhiên	4/5 - 08/5/2026	
			Tuần 33. Thời tiết các mùa trong năm	11/5 - 15/5/2026	
10	18/05 – 29/05/2026	BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU	Tuần 34. Mừng sinh nhật của Bác Hồ	18/5 - 22/5/2026	Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh

		THIỆU NHI (2 tuần)			19/5
			Tuần 35. Bác Hồ kính yêu của các cháu	25/5- 29/5/2026	

*** Khối Chồi**

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
<i>HỌC KỲ 1 (TỪ 5/9/2025-> 16/1/2026)</i>					
<i>1 Tuần ổn định đầu năm</i>				<i>08/09 - 12/09/2025</i>	
1	15/09 - 10/10/2025	TRƯỜNG MẦM NON HOA MI CỦA BÉ (4 tuần)	Tuần 1.Lớp học của bé	15/09- 19/09/2025	
			Tuần 2.Các bạn của bé	22/09 - 26/09/2025	
			Tuần 3.Các hoạt động của bé ở trường	29/09 - 03/10/2025	
			Tuần 4.Bé vui trung thu	06/10 - 10/10/2025	Trung thu 6/10
2	13/10 - 31/10/2025	BẢN THÂN CỦA BÉ (3 tuần)	Tuần 5.Sự khác biệt giữa tôi với bạn	13/10 - 17/10/2025	
			Tuần 6.Các giác quan của bé	20/10 - 24/10/2025	Ngày PNVN 20/10
			Tuần 7.Thực phẩm giúp bé khỏe mạnh	27/10 - 31/10/2025	
3	03/11 - 28/11/2025	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (4 tuần)	Tuần 8.Gia đình của bé	03/11 - 07/11/2025	
			Tuần 9.Bé với các thành viên trong gia đình	10/11 - 14/11/2025	

			Tuần 10.Ngôi nhà của bé	17/11 - 21/11/2025	Ngày NGVN 20/11
			Tuần 11.Gia đình bé cần những đồ dùng nào?	24/11 - 28/11/2025	
4	01/12 - 26/12/2025	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Tuần 12.Bé yêu cây xanh	01/12 - 05/12/2025	
			Tuần 13.Các loại hoa bé thích	08/12 - 12/12/2025	
			Tuần 14.Cây nào cho quả	15/12 - 19/12/2025	
			Tuần 15.Các loại rau	22/12 - 26/12/2025	Ngày TL.QĐN DVN 22/12
5	29/12 – 16/01/2026	MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ QUEN THUỘC (3 tuần)	Tuần 16.Bé biết những nghề nào?	29/12 - 02/01/2026	Tết dương lịch 1/1/2026
			Tuần 17.Ngành nghề truyền thống ở địa phương	05/01 - 09/01/2026	
			Tuần 18.Ba mẹ bé làm nghề gì?	12/01 - 16/01/2026	
HỌC KỲ 2 (TỪ 19/1/2025-> 29/5/2026)					
6	19/01 - 06/02/2026	QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ (3 tuần)	Tuần 19.Thành phố mang tên Bác	19/01 - 23/01/2026	
			Tuần 20.Thủ đô Hà Nội	26/01 - 30/01/2026	
			Tuần 21.Bé yêu biển đảo	02/02 - 06/02/2026	
Nghỉ tết Nguyên Đán 2 tuần (Từ ngày 9/2/2026 đến ngày 20/2/2026)					

7	23/02 – 6/03/2026	TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 tuần)	Tuần 22.Cảnh vật mùa xuân	23/02 - 27/02/2026	
		TẾT VÀ MÙA XUÂN (2 tuần)	Tuần 23.Ngày tết nguyên đán	02/03 – 06/03/2026	Quốc tế phụ nữ 8/3
8	09/03 - 27/03/2026	AN TOÀN GIAO THÔNG (3 tuần)	Tuần 24.Bé biết những phương tiện giao thông nào?	09/03 - 13/03/2026	
			Tuần 25.Một số biển báo giao thông đơn giản	16/03 - 20/03/2026	
			Tuần 26.Bé học luật an toàn giao thông	23/03 - 27/03/2026	
9	30/03 – 24/04/2026	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Tuần 27.Một số con vật nuôi trong gia đình	30/03 - 03/04/2026	
			Tuần 28.Một số con vật sống trong rừng	06/04 - 10/04/2026	
			Tuần 29.Một số con vật sống dưới nước	13/04 - 17/04/2026	
			Tuần 30.Các loại côn trùng	20/04 - 24/04/2026	
10	27/04 – 15/05/2026	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN (3 tuần)	Tuần 31.Một số nguồn nước	27/04 - 01/05/2026	<i>Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 27/4, Gi ải phóng Miền nam 30/4, Quốc tế lao động</i>

			Tuần 32. Không khí ở quanh ta	04/05 - 08/05/2026	1/5 (nghỉ 3 ngày). Tuần tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong, ngoài nhà trường
			Tuần 33. Mùa hè với bé	11/05 - 15/05/2026	
11	18/05 – 29/05/2026	BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHỊ ĐỒNG (2 tuần)	Tuần 34. Mừng sinh nhật Bác	18/05 - 22/05/2026	Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5
			Tuần 35. Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng	25/05- 29/05/2026	

*** Khởi Lát:**

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
HỌC KỲ 1 (05/09/2025 – 16/01/2026)					
1	08/09 - 12/09/2025	Tuần ổn định đầu năm		08/09 - 12/09/2025	
2	15/09 - 03/10/2025	TRƯỜNG MẦM NON CỦA BÉ (3 tuần)	Lớp học của bé	15/09 - 19/09/2025	
			Đồ chơi và các bạn của bé	22/09 - 26/09/2025	
			Công việc của các cô, các bác ở trường MN	29/09 - 03/10/2025	

3	06/10 - 24/10/2025	BẢN THÂN CỦA BÉ (3 tuần)	Bản thân của bé	06/10 - 10/10/2025	Vui tết trung thu 06/10 (15/08 AL)
			Các giác quan của bé	13/10 - 17/10/2025	
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	20/10 - 24/10/2025	Chào mừng ngày PNVN 20/10
4	27/10 - 21/11/2025	GIA ĐÌNH CỦA BÉ (4 tuần)	Ngôi nhà của bé	27/10 - 31/10/2025	
			Bé với các thành viên trong gia đình	03/11 - 07/11/2025	
			Gia đình bé có những đồ dùng nào?	10/11 - 14/11/2025	
			Những món ăn gia đình yêu thích	17/11 - 21/11/2025	Chào mừng ngày NGVN 20/11
5	24/11 - 19/12/2025	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 tuần)	Cây xanh và ích lợi của cây xanh	24/11 - 28/11/2025	
			Những loài hoa đẹp	01/12 - 02/12/2025	
			Một số loại quả	08/12 - 12/12/2025	
			Một số loại rau, củ quen thuộc	15/12 - 19/12/2025	
6	22/12 – 16/01/2026	BÉ THÍCH NGHỀ NÀO (4 tuần)	Một số ngành nghề quen thuộc	22/12 - 26/12/2025	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12
			Nghề nghiệp của bố mẹ	29/12 - 02/01/2026	
			Bác thợ xây	05/01 - 09/01/2026	
			Ước mơ của bé	12/01 - 16/01/2026	
HỌC KỲ 2 (19/01/2026 – 29/05/2026)					
8	19/01 – 06/02/2026	TẾT VÀ MÙA XUÂN – NƯỚC VÀ CÁC HTTN	Nước và Các hiện tượng thiên nhiên	19/01 - 23/01/2026	
			Tết nhà bé	26/01 – 30/01/2026	
			Phong tục tập quán ngày tết	02/02 - 06/02/2026	

		(3 tuần)			
Nghỉ tết Nguyên Đán 02 tuần (Từ ngày 09/02/2026 đến ngày 20/02/2026)					
10	23/02 - 20/03/2026	AN TOÀN GIAO THÔNG (4 tuần)	Bé biết được một số phương tiện giao thông đường bộ	23/02 - 27/02/2026	QTPN 8/3
			Bé biết được một số phương tiện giao thông đường thủy	02/03 - 06/03/2026	
			Bé biết được một số phương tiện giao thông đường hàng không	09/03 - 13/03/2026	
			Bé học luật an toàn giao thông	16/03 - 20/03/2026	
11	23/03 – 17/04/2026	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Một số con vật nuôi trong gia đình	23/03 - 27/03/2026	
			Một số con vật sống trong rừng	30/03 - 03/04/2026	
			Một số con vật sống dưới nước	06/04 - 10/04/2026	
			Các loại côn trùng	13/04 - 17/04/2026	
12	13/04 – 08/05/2026	QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM (3 tuần)	Miền Nam quê hương em	20/04 - 24/04/2026	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (từ ngày 27/04 - 01/05/2026)
			Thủ Đô Hà Nội	04/05 - 08/05/2026	
			Mừng sinh nhật Bác	11/05 - 15/05/2026	
13	11/05 – 22/05/2026	TRƯỜNG TIỂU HỌC (2 tuần)	Bé biết gì về trường tiểu học	18/05 - 22/05/2026	Ngày sinh nhật Bác 19/05
			Đồ dùng học tập của học sinh lớp 1	25/05 - 29/05/2025	

IV/ CHẾ ĐỘ SINH HOẠT
I/ NHÀ TRẺ: 24-36 tháng

Thời gian	Hoạt động
50-60 phút	Đón trẻ

110-120 phút	Chơi- Tập
50-60 phút	Ăn chính
140-150 phút	Ngủ
20-30 phút	Ăn phụ
50-60 phút	Chơi- Tập
50-60 phút	Ăn chính
50-60 phút	Chơi, trả trẻ

II/ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80-90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30-40 phút	Học
40-50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30-40 phút	Chơi ngoài trời
60-70 phút	Ăn bữa chính
140-150 phút	Ngủ
20-30 phút	Ăn bữa phụ
70-80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60-70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

V/ LỊCH SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA BÉ

I. NHÀ TRẺ

THỜI GIAN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC TRONG NGÀY
7h00 – 8h00	Đón trẻ – thể dục sáng – ăn sáng
8h00 → 8h40	Hoạt động ngoài trời - Vệ sinh

8h45 – 9h00	Uống sữa
9h00 → 09h15	Hoạt động học
9h20 → 10h	Hoạt động chơi tập
10h00 → 11h 00	Ăn trưa
11h00 → 11h 15	Vệ sinh sau khi ăn – Chơi tự do
11h15 → 13h 45	Ngủ trưa
13h45 → 14h 00	Vệ sinh – Ăn nhẹ
14h00 → 14h 50	Hoạt động chiều
14h50 → 15h 50	Vệ sinh - Ăn xế
15h50 → 16h 00	Vệ sinh - Trả trẻ

II. MẪU GIÁO

1. KHỐI MẦM (3-4 TUỔI)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
7h00 – 8h00	Đón trẻ – thể dục sáng – ăn sáng
8h00 – 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 – 8h50	Vệ sinh – uống sữa
8h50 – 9h10 (HĐ 1) 9h10 – 9h40 (HĐ 2)	Hoạt động học
9h40 – 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h15	Vệ sinh – Ăn trưa
11h15 – 13h45	Ngủ trưa
13h45 – 14h00	Vệ sinh – Ăn nhẹ
14h00 – 14h35	Hoạt động chiều
14h35 – 15h35	Vệ sinh – Ăn xế
15h35 – 16h00	Nêu gương
16h00	Trả trẻ

2. KHỐI CHỒI (4-5 TUỔI)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
7h00 – 8h00	Đón trẻ – thể dục sáng – ăn sáng
8h00 – 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 – 8h50	Vệ sinh – uống sữa
8h50 – 9h10 (HĐ 1) 9h10 – 9h40 (HĐ 2)	Hoạt động học
9h40 – 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h15	Vệ sinh – Ăn trưa
11h15 – 13h45	Ngủ trưa
13h45 – 14h00	Vệ sinh – Ăn nhẹ
14h00 – 14h35	Hoạt động chiều
14h35 – 15h35	Vệ sinh – Ăn xế
15h35 – 16h00	Nêu gương
16h00	Trả trẻ

1. KHỐI LÁ (5-6 TUỔI)

THỜI GIAN	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG
7h00 – 8h00	Đón trẻ – thể dục sáng – ăn sáng
8h00 – 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 – 8h50	Vệ sinh – uống sữa
8h50 – 9h10 (HĐ 1) 9h10 – 9h40 (HĐ 2)	Hoạt động học
9h40 – 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h15	Vệ sinh – Ăn trưa
11h15 – 13h45	Ngủ trưa
13h45 – 14h00	Vệ sinh – Ăn nhẹ
14h00 – 14h35	Hoạt động chiều

14h35 – 15h35	Vệ sinh – Ăn xế
15h35 – 16h00	Nêu gương
16h00	Trả trẻ

KÝ DUYỆT HIỆU TRƯỞNG

**LẬP KẾ HOẠCH
PHT/CM**



DU THỊ YẾN NHI